

Số: 533/TB-CAH

Tủa Chùa, ngày 29 tháng 3 năm 2023

THÔNG BÁO
Tuyển sinh vào các trường CAND năm 2023

Kính gửi:

- Các trường THPT trên địa bàn huyện Tủa Chùa;
- Trung tâm GDNN - GDTX huyện;
- Trung tâm Văn hóa, truyền thanh, truyền hình huyện;
- UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện Hướng dẫn số 879/HD-CAT-PX01 ngày 23/3/2023 của Công an tỉnh Điện Biên, về việc tuyển sinh trong Công an nhân dân (CAND) năm 2023; Công an huyện Tủa Chùa thông báo một số nội dung như sau:

I. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

- *Phương thức 1:* Tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT và quy định của Bộ Công an.

- *Phương thức 2:* Xét tuyển thẳng kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế với kết quả học tập THPT.

- *Phương thức 3:* Xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT (chiếm 40% điểm) với kết quả bài thi đánh giá của Bộ Công an (chiếm 60% điểm). Bài thi của Bộ Công an:

+ Cấu trúc bài thi, gồm 02 phần: phần trắc nghiệm (lĩnh vực Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và ngôn ngữ Anh) và phần tự luận (Toán hoặc Ngữ văn).

+ Thời gian làm bài thi: Tổng thời gian làm bài 180 phút (phần trắc nghiệm 90 phút, phần tự luận 90 phút).

+ Hình thức thi: thi viết.

+ Mã bài thi: thí sinh chọn 01 trong 02 mã bài thi để dự thi, gồm: (1) CA1: phần thi trắc nghiệm và tự luận Toán; (2) CA2: phần thi trắc nghiệm và tự luận Ngữ văn.

**II. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH; NGÀNH, NHÓM NGÀNH TUYỂN SINH;
TỔ HỢP XÉT TUYỂN**

- Chỉ tiêu tuyển sinh: được xác định theo từng trường, từng vùng, từng ngành, từng đối tượng (nam, nữ), từng phương thức tuyển sinh (*chi tiết tại Phụ lục của Thông báo này*).

- Ngành, nhóm ngành tuyển sinh: nhóm ngành Nghiệp vụ an ninh, Nghiệp vụ cảnh sát (7860100); ngành An toàn thông tin/An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao (7480202); ngành Y khoa gửi đào tạo tại Học viện Quân y (7720101); ngành Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước (7310202); ngành Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (7860113); nhóm ngành Kỹ thuật - Hậu cần (7480200); ngành Ngôn ngữ Anh (7220201); ngành Ngôn ngữ Trung quốc (7220204).

- Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp thi tốt nghiệp THPT, gồm: A00, A01, B00, C00, C03, D01, D04; Bài thi đánh giá của Bộ Công an, gồm: CA1, CA2. Trong đó:

+ Nhóm ngành nghiệp vụ An ninh, Cảnh sát xét tuyển tổ hợp A00, A01, C03, D01 và bài thi CA1, CA2.

+ Ngành An toàn thông tin (An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao) xét tuyển tổ hợp A00, A01 và bài thi CA1.

+ Ngành Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước xét tuyển tổ hợp A01, C00, C03, D01 và bài thi CA1, CA2.

+ Nhóm ngành Kỹ thuật - Hậu cần xét tuyển tổ hợp A00, A01 và bài thi CA1.

+ Ngành Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ xét tuyển tổ hợp A00 và bài thi CA1.

+ Ngành Ngôn ngữ Anh xét tuyển tổ hợp A01, D01 và bài thi CA1, CA2.

+ Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc xét tuyển tổ hợp D01, D04 và bài thi CA1, CA2.

+ Ngành Y khoa gửi đào tạo tại Học viện Quân y xét tuyển tổ hợp B00 và bài thi CA1.

III. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

1. Đối tượng

- Chiến sĩ nghĩa vụ Công an tại ngũ;
- Công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia CAND có quyết định xuất ngũ trong vòng 12 tháng tính đến tháng dự tuyển;
- Công dân thường trú theo quy định hiện hành tại các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Điện Biên.

2. Điều kiện dự tuyển chung

Người dự tuyển ngoài đảm bảo các điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT, phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đủ tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức theo quy định hiện hành của Bộ Công an tại Thông tư số 44/2018/TT-BCA, ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an, Hướng dẫn số 577/X01-P6, ngày 14/01/2019 và Hướng dẫn số 1144/X01-P6, ngày 24/01/2019 của X01;

- Chiến sĩ nghĩa vụ Công an có thời gian công tác từ 15 tháng trở lên tính đến tháng thi tuyển; phân loại cán bộ đạt mức **“Hoàn thành nhiệm vụ”** trở lên trong năm liền trước với năm dự tuyển;

- Công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia CAND trong thời gian tại ngũ, hàng năm đều đạt mức **“Hoàn thành nhiệm vụ”** trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt mức **“Hoàn thành tốt nhiệm vụ”**;

- Trong những năm học THPT hoặc tương đương đạt học lực từ **Khá** trở lên (theo kết luận học bạ). Riêng thí sinh là chiến sĩ nghĩa vụ Công an tại ngũ và thí sinh thuộc Đối tượng 01 đạt học lực từ **Trung bình** trở lên (theo kết luận học bạ).

- Công dân thường trú tại địa phương nơi đăng ký sơ tuyển từng môn từng năm học THPT thuộc tổ hợp xét tuyển vào trường CAND phải đạt từ 7,0 điểm trở lên; Công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia CAND, người dân tộc thiểu số không thuộc đối tượng 01 thì từng môn từng năm học THPT thuộc tổ hợp xét tuyển vào trường CAND đạt từ 6,5 điểm trở lên (Chiến sĩ nghĩa vụ Công an tại ngũ, thí sinh thuộc Đối tượng 01 không áp dụng điều kiện này).

Lưu ý: Đối tượng 01 được xác định là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú (trong thời gian học THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại Khu vực 1.

- Công dân thường trú tại địa phương nơi đăng ký sơ tuyển trong những năm học THPT hoặc tương đương hạnh kiểm đạt loại **Khá** trở lên, chưa kết hôn, chưa có con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật;

- Tính đến năm dự tuyển, công dân thường trú tại địa phương nơi đăng ký sơ tuyển không quá 22 tuổi, trường hợp là người dân tộc thiểu số không quá 25 tuổi;

- Đủ sức khỏe tuyển vào CAND theo quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của Bộ Công an, theo đó:

Chỉ tuyển thí sinh đạt tiêu chuẩn sức khỏe loại 1, loại 2 và đáp ứng các chỉ số đặc biệt theo quy định tại Thông tư số 45/2019/TT-BCA ngày 02/10/2019 của Bộ Công an quy định về tiêu chuẩn sức khỏe và khám sức khỏe công dân tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia CAND. Trong đó:

+ Chiều cao:

* Chiến sĩ nghĩa vụ Công an, công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia CAND, chiều cao áp dụng theo tiêu chuẩn chiều cao tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia CAND tại thời điểm tuyển chọn.

* Công dân thường trú tại địa phương nơi đăng ký sơ tuyển, chiều cao đạt từ 1m64 đến 1m95 đối với nam, đạt từ 1m58 đến 1m80 đối với nữ; trường hợp là người dân tộc thiểu số không thuộc đối tượng 01 chiều cao đạt từ 1m62 đến

1m95 đối với nam, đạt từ 1m56 đến 1m80 đối với nữ. Riêng, thí sinh thuộc Đối tượng 01, chiều cao đạt từ 1m60 đến 1m95 đối với nam, đạt từ 1m55 đến 1m80 đối với nữ.

+ Chỉ số khối cơ thể (BMI) được tính bằng trọng lượng (đơn vị tính: ki-lô-gam) chia cho bình phương chiều cao (đơn vị tính: mét) đạt từ 18,5 đến 30.

+ Nếu mắt bị tật khúc xạ thì không quá 3 đi-ốp, kiểm tra thị lực qua kính mắt đạt 10/10, tổng thị lực 2 mắt đạt 19/10 trở lên. Các thí sinh không đảm bảo tiêu chuẩn thị lực như trên không được cam kết tiêu chuẩn về mắt.

IV. TỔ CHỨC SƠ TUYỂN

1. Đăng ký sơ tuyển

- Chiến sĩ nghĩa vụ nhập ngũ năm 2021, 2022 đăng ký dự tuyển tại đơn vị công tác (*trường hợp chiến sĩ nghĩa vụ nhập ngũ năm 2021 sau khi đăng ký dự tuyển được chuyển chuyên nghiệp thì sẽ loại khỏi danh sách đăng ký dự tuyển*).

- Học sinh phổ thông (gồm cả học sinh đã tốt nghiệp các năm trước), công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia CAND hoặc nghĩa vụ quân sự đăng ký sơ tuyển tại Công an cấp huyện nơi đăng ký thường trú.

- Nghiêm cấm thí sinh đăng ký sơ tuyển tại nhiều Ban tuyển sinh thuộc Bộ Công an. Nếu vi phạm sẽ không được xét tuyển vào các trường CAND.

- Thí sinh phải đăng ký 02 nội dung để kiểm tra vận động theo giới tính nam, nữ (đối với Nam: chạy 100m, chạy 1500m, bật xa tại chỗ, co tay xà đơn; đối với Nữ: chạy 100m, chạy 800m, bật xa tại chỗ).

- Lệ phí sơ tuyển: Thí sinh sơ tuyển nộp lệ phí 120.000đ (*Một trăm hai mươi nghìn đồng*) phục vụ sơ tuyển; 180.000đ (*Một trăm tám mươi nghìn đồng*) lệ phí bài thi của Bộ Công an. Số tiền trên chưa bao gồm lệ phí khám sức khỏe, lệ phí hồ sơ và ảnh theo thời giá tại địa phương.

2. Thủ tục đăng ký sơ tuyển

- Người đăng ký sơ tuyển phải trực tiếp đến đăng ký và mang theo bản chính hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính học bạ, giấy khai sinh kèm theo giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân. Đối với công dân hoàn thành nghĩa vụ CAND hoặc nghĩa vụ quân sự ngoài các giấy tờ trên, mang thêm quyết định xuất ngũ và xác nhận hoàn thành nhiệm vụ, không vi phạm kỷ luật trong thời gian tại ngũ tại đơn vị công tác.

- Bản sao được chứng thực từ bản chính giấy chứng nhận kết quả điểm ngoại ngữ IELTS (Academic) hoặc TOEFL iBT hoặc có chứng chỉ tiếng Trung Quốc HSK (nếu có) trong trường hợp thí sinh đăng ký xét tuyển vừa Phương thức 2.

3. Thời gian, địa điểm đăng ký sơ tuyển

- Thời gian đăng ký sơ tuyển từ ngày 29/3/2023 đến hết ngày 15/4/2023 (Buổi sáng từ 7h30 đến 11h00; buổi chiều từ 14h00 đến 17h00) các thí sinh có nguyện vọng đăng ký dự thi vào các trường CAND đến Đội Tổng hợp, Công an huyện Tủa Chùa để đăng ký sơ tuyển, mua hồ sơ và được hướng dẫn chi tiết (liên hệ đồng chí Trung úy Quàng Ngọc Lê, SĐT: 0972.337.934).

- Thời gian, địa điểm kiểm tra sức khỏe và khả năng vận động: **ngày 06/5/2023, tại Công an huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.**

Công an huyện Tủa Chùa thông báo tới các Trường THPT trên địa bàn, Trung tâm GDNN - GDTX, Trung tâm Văn hóa, truyền thanh, truyền hình, UBND các xã, thị trấn nắm, phổ biến rộng rãi đến học sinh và nhân dân trên địa bàn biết để đăng ký sơ tuyển./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: CAH (TH).

TRƯỞNG CÔNG AN HUYỆN



Thượng tá Phạm Huy Toàn

Phụ lục 2


Danh mục tên trường, ký hiệu trường, mã ngành, chỉ tiêu tuyển sinh
trình độ đại học Công an nhân dân chính quy tuyển mới đối với công dân tốt nghiệp trung học phổ thông

TT	Tên trường/ngành đào tạo/Địa bàn tuyển sinh	Ký hiệu trường	Ký hiệu ngành	Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu theo Phương thức 1			Chỉ tiêu theo Phương thức 2		Chỉ tiêu theo Phương thức 3	Tổ hợp xét tuyển theo Phương thức 3	Mã bài thi đánh giá của Bộ Công an sử dụng để xét tuyển												
					Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam				Nữ											
1	Học viện An ninh nhân dân	ANH		390							A00, A01, C03, D01	CA1, CA2												
													1.1 Nhóm ngành nghiệp vụ An ninh											
													- Vùng 1											
													- Vùng 2											
- Vùng 3																								
- Vùng 8																								
1.2	Ngành An toàn thông tin		7480202	100							A00, A01	CA1												
													- Phía Bắc											
													- Phía Nam											
1.3	Y khoa (gửi đào tạo tại Học viện Quân y)		7720101	50							B00	CA1												
													- Phía Bắc											
													- Phía Nam											
2	Học viện Cảnh sát nhân dân	CSH									A00, A01, C03, D01	CA1, CA2												
													Nhóm ngành nghiệp vụ Cảnh sát											
													- Vùng 1											
													- Vùng 2											
- Vùng 3																								
2.1			7860100	530																				
													- Vùng 1											
													- Vùng 2											
- Vùng 3																								

TT	Tên trường/ngành đào tạo/Địa bàn tuyển sinh	Ký hiệu trường	Ký hiệu ngành	Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu theo Phương thức 1		Chỉ tiêu theo Phương thức 2		Chỉ tiêu theo Phương thức 3		Mã bài thi đánh giá của Bộ Công an sử dụng để xét tuyển
					Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	
	- Vùng 8			20	2		2		14	2	
3	Học viện Chính trị CAND	HCA									CA1, CA2
3.1.	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước		7310202	100							A01, C00, C03, D01
	- Phía Bắc			50	4	1	4	1	37	3	
	- Phía Nam			50	4	1	4	1	37	3	
4.	Trường ĐH An ninh nhân dân	ANS									CA1, CA2
4.1.	Nhóm ngành nghiệp vụ An ninh		7860100	260							A00, A01, C03, D01
	- Vùng 4			50	4	1	4	1	37	3	
	- Vùng 5			40	3	1	3	1	30	2	
	- Vùng 6			80	7	1	7	1	58	6	
	- Vùng 7			75	7	1	7	1	54	5	
	- Vùng 8			15	1		1		11	2	
5	Trường ĐH Cảnh sát nhân dân	CSS	7860100								CA1, CA2
5.1.	Nhóm ngành nghiệp vụ Cảnh sát			420							A00, A01, C03, D01
	- Vùng 4			80	7	1	7	1	58	6	
	- Vùng 5			50	4	1	4	1	37	3	
	- Vùng 6			140	12	1	12	1	102	12	
	- Vùng 7			130	11	1	11	1	95	11	
	- Vùng 8			20	1		1		16	2	

TT	Tên trường/ngành đào tạo/Địa bàn tuyển sinh	Ký hiệu trường	Ký hiệu ngành	Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu theo Phương thức 1		Chỉ tiêu theo Phương thức 2		Chỉ tiêu theo Phương thức 3		Tổ hợp xét tuyển theo Phương thức 3	Mã bài thi đánh giá của Bộ Công an sử dụng để xét tuyển
					Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ		
6.	Trường ĐH Phòng cháy chữa cháy										A00	CA1
6.1.	Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ		7860113	100							A00	CA1
	- Phía Bắc	PCH		50	4	1	4	1	37	3		
	- Phía Nam	PCS		50	4	1	4	1	37	3		
7.	Trường ĐH Kỹ thuật - Hậu cần CAND										A00, A01, D01	CA1
7.1.	Nhóm ngành Kỹ thuật - Hậu cần		7480200	100							A00, A01, D01	CA1
	- Phía Bắc	HCB		50	4	1	4	1	37	3		
	- Phía Nam	HCN		50	4	1	4	1	37	3		
8.	Học viện Quốc tế	AIS		50								
8.1	- Ngôn ngữ Anh		7220201	30	2	4	2	4	11	7	A01, D01	CA1, CA2
8.2	- Ngôn ngữ Trung quốc		7220204	20	2	3	2	3	6	4	D01, D04	CA1, CA2

Chi tiết từng địa bàn:

- Không ghi vùng: tuyển sinh trong toàn quốc, không phân biệt địa bàn tuyển sinh; Phía Bắc: từ Thừa Thiên-Huế trở ra; Phía Nam: từ Đà Nẵng trở vào.
- Vùng 1 gồm: các tỉnh miền núi phía Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Lào Cai, Yên Bái, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La.
- Vùng 2 gồm: các tỉnh, thành phố đồng bằng và trung du Bắc Bộ: Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Hòa Bình, Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình, Quảng Ninh.

- Vùng 3 gồm: các tỉnh Bắc Trung Bộ: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.
- Vùng 4 gồm: các tỉnh Nam Trung Bộ: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Ninh Thuận.
- Vùng 5 gồm: các tỉnh Tây Nguyên: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng.
- Vùng 6 gồm: các tỉnh, thành phố Đông Nam Bộ: Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Hồ Chí Minh.
- Vùng 7 gồm: các tỉnh, thành phố Tây Nam Bộ: Cần Thơ, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.
- Vùng 8 gồm: các đơn vị trực thuộc Bộ: A09, C01, C10, C11, K01, K02.
- Học sinh T11: căn cứ theo địa phương sơ tuyển tại thời điểm nhập học vào T11 thì xét tuyển theo địa bàn có địa phương đó.